

# CHƯƠNG I

## TỔNG LUẬN VỀ MÔI TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TÀI CHÍNH

### 1.1 Môi trường đầu tư và môi trường tài chính

#### 1.1.1 *Môi trường đầu tư*

Môi trường đầu tư là nơi tổng hòa các yếu tố bên ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư như chính sách, kinh tế, chính trị, luật pháp văn hoá, xã hội và các yếu tố: cơ sở hạ tầng, năng lực thị trường, cả các lợi thế của một quốc gia có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động đầu tư trong và ngoài nước tại một quốc gia. Những yếu tố này có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau. Một môi trường đầu tư thuận lợi sẽ tạo cơ hội và động lực cho các doanh nghiệp từ các doanh nghiệp nhỏ đến các công ty đa quốc gia đầu tư có hiệu quả, tạo nhiều việc làm và mở rộng hoạt động vì thế nó có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và góp phần giảm nghèo.

Khi phân tích môi trường đầu tư, có thể thấy được tính chất dài hạn và ngắn hạn của nó sẽ chi phối quyết định của nhà đầu tư. Nếu lợi thế về môi trường đầu tư của một quốc gia hiện tại là mức lương thấp thì sự bất lợi của môi trường khi xét ở góc độ dài hạn là trình độ lao động thấp, không hiệu quả. Hoặc nếu các chính sách ưu đãi về thuế tạo nên những điểm hấp dẫn nhà đầu tư ở ngắn hạn thì về dài hạn, hệ thống luật pháp hoàn chỉnh rõ ràng mới là nhân tố tích cực để thu hút đầu tư. Các nhà đầu tư có tầm nhìn chiến lược ít quan tâm đến những ưu đãi về thuế hơn là quan tâm đến hệ thống luật pháp của nước chủ nhà.

Môi trường đầu tư bao gồm:

➤ ***Môi trường tự nhiên*** như vị trí địa lý, tài nguyên,... là những nhân tố khách quan tác động đến hoạt động đầu tư. Nước tiếp nhận đầu tư có vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú là một đặc điểm đầu tiên mà các nhà đầu tư quan tâm.

theo sự chỉ đạo của nhà nước đã tỏ ra đặc biệt nguy hại khi nhà nước có chủ trương thực hiện chính sách "chỉ định người thắng cuộc" bằng cách chỉ đạo rót vốn cho những cơ sở công nghiệp cụ thể hay những nhóm lợi ích nhất định. Đây là thực tế đã diễn ra tại Hàn Quốc vào cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980. Nhà nước Hàn Quốc đã chỉ đạo các ngân hàng cho các tập đoàn Chaebol vay vốn để đầu tư cho những cơ sở công nghiệp nặng cần nhiều vốn. Chính điều này đã đưa Hàn Quốc đi tới bờ vực thẳm của cuộc khủng hoảng tài chính vào giữa những năm 1980.

- Quản lý vĩ mô một cách thận trọng đối với cơ cấu thanh khoản và thời hạn các khoản nợ nước ngoài là hết sức quan trọng nhằm giảm nguy cơ chuyển vốn đột ngột ra nước ngoài, dẫn tới khủng hoảng về tiền mặt và cuối cùng ảnh hưởng tới khả năng thanh toán.

- Nhu cầu cấp bách đối với Việt Nam là tăng cường hơn nữa tính công khai và cung cấp những thông tin đáng tin cậy, đặc biệt là về các ngân hàng và doanh nghiệp của Việt Nam, nhằm hạn chế nguy cơ dẫn đến thất bại của chính phủ và thất bại của thị trường. Việc tăng cường hơn tính công khai và có được những thông tin chính xác sẽ góp phần hạn chế rất nhiều tình trạng tham nhũng vốn là mối lo ngại ngày càng tăng của Đảng và Chính phủ trong những năm gần đây.

- Thúc đẩy tăng trưởng hướng vào xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao. Sử dụng linh hoạt các chính sách tiền tệ như tỷ giá hối đoái, chính sách lãi suất ...

## **Kết luận chương 1**

Việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam trên con đường phát triển. Tuy nhiên, khi thực hiện cam kết WTO sẽ có tác động mạnh đến thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường vốn. Quá trình này cũng đặt ra những thách thức mới trong kiểm soát các luồng vốn quốc tế ở thị trường trong nước hay nâng cao khả năng cạnh tranh gay gắt với các tập đoàn tài chính nước ngoài.

Trong bối cảnh hội nhập, nước ta sẽ phải mở cửa nền kinh tế mạnh hơn nữa, dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường tài chính cũng tăng cao. Đặc biệt đối với Việt Nam một nước đang phát triển, thị trường tài chính, thị trường vốn, thị trường chứng khoán còn rất non trẻ, trong khi trong sân chơi hội nhập lại là các nước đã có kinh nghiệm phát triển lâu đời. Do đó, việc nghiên cứu lý luận về sự tác động môi trường tài chính đến sự phát triển kinh tế kết hợp với những bài học kinh nghiệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường tài chính ở các nước trên thế giới là hết sức cần thiết, giúp chúng ta có cơ sở đánh giá được mức độ ô nhiễm môi trường tài chính của Việt Nam. Từ đó có những giải pháp, chính sách góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ các nguồn lực và phòng ngừa, xử lý những vấn đề liên quan đến sự lành mạnh của môi trường tài chính, ngăn ngừa nguy cơ khủng hoảng.

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trong 20 năm đổi mới, GDP của Việt Nam đã tăng liên tục. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986- 1990) GDP chỉ tăng bình quân 3,9%/năm, thì trong 5 năm tiếp theo (1991-1995) đã nâng lên đạt mức bình quân 8,2%/năm. Trong giai đoạn 1996- 2000 tốc độ tăng GDP của Việt Nam 7,5 %, thấp hơn nửa đầu thập niên 1990 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Kể từ năm 2001 tăng trưởng của nền kinh tế được hồi phục và liên tục tăng, bình quân giai đoạn 2001-2005 tăng 7,51%/năm (năm 2001 tăng 6,9 %, năm 2002 tăng 7,08%, năm 2003 tăng 7,34%, năm 2004 tăng 7,8%, năm 2005 tăng 8,43%). Trong năm 2006, tình hình phát triển kinh tế vẫn duy trì ở mức đáng khích lệ tiếp sau mức tăng trưởng mạnh trong năm 2005 và đạt 8,17%. Năm 2005 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (2000-2005), là năm có tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao nhất trong vòng 9 năm qua.

Cùng với tốc độ tăng cao của GDP, cơ cấu kinh tế trong nước đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Tỷ trọng giá trị gia tăng của khu vực công nghiệp và xây dựng trong GDP đã không ngừng tăng lên qua các năm.

**Bảng 2.1: Tốc độ tăng sản phẩm trong nước 6 năm 2001 -2006**

*Đơn vị: %*

	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tổng GDP	6,89	7,08	7,34	7,79	8,4	8,17
Nông lâm nghiệp, thủy sản	2,98	4,17	3,62	4,36	4,04	3,40
Công nghiệp và xây dựng	10,39	9,48	10,48	10,22	10,65	10,37
Dịch vụ	6,10	6,54	6,45	7,26	8,48	8,29

*Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK)*

chính theo hướng ngày càng tăng lên đã tạo ra rào cản trong khả năng tiếp cận nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư. Nhìn ở góc độ kiềm chế lạm phát, việc tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc cùng với các công cụ khác trong chính sách điều hành tiền tệ như lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở sẽ điều hòa dòng tiền trong lưu thông, góp phần cân đối quan hệ tiền - hàng, giảm áp lực lạm phát. Nhưng việc lạm dụng công cụ tăng dự trữ bắt buộc, hậu quả của nền kinh tế nói chung và đối với các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp vay vốn nói riêng, sẽ rất khó lường.

Bên cạnh đó một hệ thống mang nặng tính hình thức từ Trung ương đến địa phương đã kìm hãm tính chủ động, tự chủ và trách nhiệm của các cấp ngân sách. Mặt khác, những thông tin mà Quốc hội và HĐND các tỉnh nhận được lại mang tính chủ quan, một phía nên rất dễ dẫn đến những sai lệch khi đưa ra quyết định về NSNN. Đây là mối lo ngại lớn nhất khi mà NSNN thì hạn chế nhưng dự án đầu tư lại nhiều và không được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ dẫn đến tình trạng thường xuyên xảy ra hiện tượng “rút ruột”, tham nhũng ... thâm hụt ngân sách là điều hiển nhiên.

## **Kết luận chương 2**

Từ những phân tích trên, có thể kết luận một cách khách quan nhất đó là môi trường tài chính Việt Nam đang có dấu hiệu bị ô nhiễm. Xét một cách tổng thể có thể tạm thời yên tâm nhưng nếu nhìn nhận một cách khắt khe và kỹ lưỡng hơn ta có thể nói môi trường tài chính Việt Nam đang bị ô nhiễm. Tuy nhiên, mức độ này vẫn được coi là thấp và hầu như đây cũng là tình trạng chung của khá nhiều nước trên thế giới. Vấn đề thực sự quan tâm hiện nay là mức độ này có tăng lên hay không. Có thể nói đây là một nguy cơ rất có khả năng xảy ra. Nó phụ thuộc vào động thái của Chính phủ trong việc thực thi những biện pháp nhằm phòng tránh những nguy cơ gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường tài chính hiện nay.

### **CHƯƠNG III**

## **GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP**

Kết quả đạt được về kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây là đáng kể, đặc biệt trong hai năm 2005 và 2006, song nhiệm vụ phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo trong giai đoạn 2005-2010 còn khó khăn hơn. Những dấu hiệu ô nhiễm trong môi trường tài chính Việt Nam nêu trên nên được sớm khắc phục, nếu không nền kinh tế có thể gặp trở ngại, khi mà niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài suy giảm hoặc có thêm các cú sốc ngoại lai lớn khác. Để hội nhập kinh tế của Việt Nam trong những năm tới đạt được kết quả cao và hạn chế được sự gia tăng mức độ ô nhiễm trong môi trường tài chính, tác giả xin đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

### **3.1 Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững**

Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức.

**3.1.1 Thúc đẩy, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế phát triển theo chiều sâu.** Đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng, hạ giá thành, tăng cường năng lực khai thác thị trường theo chiều sâu, nhất là các ngành hàng, các địa phương có mức tăng trưởng thấp và sụt giảm trong năm vừa qua. Thực hiện định kỳ giao bán sản phẩm, kịp thời phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh hơn.

**3.1.2 Đẩy mạnh xuất khẩu để giảm bớt mức nhập siêu của nền kinh tế:** Thông qua việc đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng Việt Nam có thể

- Đẩy mạnh cải cách hành chính công, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội. Minh bạch hóa qui trình, thủ tục hành chính đối với đầu tư nước ngoài; thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết thủ tục đầu tư; rà soát các vướng mắc hành chính ở tất cả các lĩnh vực, các cấp nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp phép đầu tư mới và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, các thủ tục liên quan tới triển khai dự án đầu tư như thủ tục về đất đai, XNK, cấp dấu, xử lý tranh chấp.

- Thực hiện đồng bộ, kiên quyết các giải pháp để phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước: điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ tham nhũng đã được phát hiện; ban hành và thực hiện quy định để xử lý thích đáng đúng pháp luật người đứng đầu cơ quan đơn vị nơi xảy ra tham nhũng, gây hiệu quả nghiêm trọng...

- Tiếp tục chính sách tự do hóa tài khoản vãng lai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự luân chuyển của dòng vốn. Ưu đãi thuế đối với các quỹ đầu tư nước ngoài. Tăng cường các kênh thông tin, quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm gia tăng tính minh bạch thị trường tài chính. Hoàn thiện việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi luật chứng khoán, bổ sung sửa đổi các văn bản pháp quy đáp ứng nhu cầu phát triển và quản lý thị trường.

- Tăng cường an ninh tài chính, thực hiện các chính sách kiểm soát các dòng vốn. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ngân hàng – tài chính – chứng khoán trong việc quản lý dòng vốn nhằm bảo đảm an toàn vững chắc và lành mạnh của hệ thống tài chính.

### **Kết luận chương 3:**

Việt Nam đã xác định cần sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển vào trước năm 2010, tạo đà phát triển để đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện được mục tiêu này thì một trong những nhiệm vụ quan trọng là Việt Nam cần phải tạo dựng được một môi trường tài chính

lành mạnh. Trong chương này tác giả đã đề xuất sáu giải pháp cơ bản nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường tài chính Việt Nam trong những năm đầu đầy thách thức hậu WTO. Sự thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, bằng việc kết hợp, giữa huy động các nguồn nội lực và ngoại lực cùng với xây dựng bộ máy quản lý trong sạch mà chúng ta có thể chủ động được, chắc chắn sẽ là yếu tố quan trọng cho lành mạnh hóa môi trường tài chính của Việt Nam trong quá trình hội nhập.